

La Sơn Phu tử Nguyễn Thiếp - kẻ sĩ thức thời trong bối cảnh Đại Việt cuối thế kỷ XVIII

Nguyễn Tất Thảng¹, Nguyễn Đình Co^{2*}

¹Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế, 34 Lê Lợi, phường Phú Hội, quận Thuận Hoá, TP Huế, Việt Nam

²Trường Đại học Công nghệ TP Hồ Chí Minh, 475A Điện Biên Phủ, phường 25, quận Bình Thạnh, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày nhận bài 2/5/2024; ngày chuyển phản biện 4/5/2024; ngày nhận phản biện 15/5/2024; ngày chấp nhận đăng 29/5/2024

Tóm tắt:

Cuối thế kỷ XVIII, cả Đàng Trong và Đàng Ngoài đều rơi vào khủng hoảng trầm trọng. Phong trào nông dân nổ ra mạnh mẽ là chất xúc tác quan trọng tạo nên những biến động lớn của xã hội Đại Việt. Tuy tình hình chính trị - xã hội đầy bất ổn như vậy, nhưng đây lại là thời kỳ nở rộ của các nhà tư tưởng lớn với khát vọng đứng ra “kinh bang tế thế”, như: Lê Quý Đôn, Lê Hữu Trác, Ngô Thời Nhậm... Trong đó, La Sơn Phu tử Nguyễn Thiếp là một nhân vật tiêu biểu. Tư tưởng và hành động của ông thể hiện tư duy của một kẻ sĩ thức thời trước thời cuộc, đề cao việc đem sở học của mình ra cứu nước, giúp đời thay vì trung quân một cách mù quáng. Nhất là trong mối quan hệ với vị “anh hùng áo vải” Nguyễn Huệ - Quang Trung, La Sơn Phu tử đã có một mối giao tình đặc biệt: vừa là người hỗ trợ, vừa là thầy, vừa là một tri kỷ... đã góp công lớn cho triều đại của vua Quang Trung trong buổi đầu xây dựng vương triều.

Từ khóa: cuối thế kỷ XVIII, La Sơn Phu tử, Nguyễn Thiếp, Quang Trung.

Chỉ số phân loại: 5.9

La Son Phu tu Nguyen Thiep - An intellectual who understood the times in the context of Dai Viet in the late 18th century

Tat Thang Nguyen¹, Dinh Co Nguyen^{2*}

¹University of Education, Hue University, 34 Le Loi Street, Phu Hoi Ward, Thuan Hoa District, Hue City, Vietnam

²Ho Chi Minh City University of Technology, 475A Dien Bien Phu Street, Ward 25, Binh Thanh District, Ho Chi Minh City, Vietnam

Received 2 May 2024; revised 15 May 2024; accepted 29 May 2024

Abstract:

In the late 18th century, Dang Trong and Dang Ngoai fell into a serious crisis. The intense outbreak of the peasant movement was an important catalyst that created major changes in Dai Viet society. Although the political and social situation was unstable, this was the blooming period of great thinkers with the aspiration of “serve the country and contribute to society”, such as Le Quy Don, Le Huu Trac, and Ngo Thi Nham... Among them, La Son Phu tu Nguyen Thiep is a special character. His thoughts and actions reflected the mindset of an intellectual who was in tune with the times, promoting the use of his knowledge to save the country and help life rather than being blindly loyal to the King. Especially in his relationship with “The hero in plain clothing” Quang Trung, La Son Phu tu had a special relationship: he was both a servant, a teacher, and a confidant... and made a great contribution to the reign of King Quang Trung during the early days of building the dynasty.

Keywords: La Son Phu tu, late 18th century, Nguyen Thiep, Quang Trung.

Classification number: 5.9

*Tác giả liên hệ: Email: nd.co@hutech.edu.vn

1. Đặt vấn đề

La Sơn Phu tử Nguyễn Thiếp (1723-1804) nhân cách cao thượng, một kẻ sĩ sinh ra trong thời loạn nhưng luôn giữ được lý tưởng trị đạo “yên dân trị quốc”. Tuổi trẻ ông nổi tiếng thông minh, có thực học nhưng chí nguyện không muốn đi theo con đường khoa cử làm quan. Gần như phần lớn cuộc đời của La Sơn Phu tử là những năm tháng ở ẩn trên núi Thiên Nhẫn chuyên nghiên cứu kinh sách và dạy học. Những biến động lớn của lịch sử Đại Việt ở cuối thế kỷ XVIII đã tạo nên sự đổi thay triều đại một cách liên tục, quan điểm giữa “chính thống” - “ngụy triều”, giữa “chính” - “tà” cũng có sự đảo chiều không ngừng, buộc người trí thức phải có sự lựa chọn hướng đi, lựa chọn cho mình vị minh quân để phò tá. Trong dòng xoáy của thời đại, La Sơn Phu tử Nguyễn Thiếp nổi lên là một kẻ sĩ thức thời, đã chọn cho mình một lối đi riêng, lối đi hướng đến phụng sự đất nước và vì lợi ích của muôn dân. Như lời tự bạch của ông:

“Tuỳ cơ co duỗi âu là phải

Đạo ấy ta đây sắp gắng công” (Sĩ các hữu chí) [1].

2. Vai nét về bối cảnh Đại Việt cuối thế kỷ XVIII và đặc điểm quê hương, con người Nguyễn Thiếp

Thế kỷ XVIII là thời gian đầy biến động của lịch sử Việt Nam. Cả Đàng Ngoài và Đàng Trong đều rơi vào khủng hoảng trầm trọng. Ở Đàng Ngoài, sau thời gian ổn định tạm thời, đầu thế kỷ XVIII, những dấu hiệu rạn nứt trong xã hội bắt đầu xuất hiện. Đặc biệt là từ khi An Đô vương Trịnh Cương mất (năm 1729), con là Trịnh Giang lên thay, tức là Uy Nam vương. Dưới thời cầm quyền của Trịnh Giang, chính sự Bắc Hà bắt đầu đi xuống. Chính quyền trung ương rối loạn; quan lại tham ô, nhũng nhiễu nhân dân. Chính sách cai trị hà khắc của chúa Trịnh, sự bóc lột tàn bạo của bọn quý tộc địa chủ, cùng với nạn thôn tính ruộng đất ở các địa phương đã đẩy người nông dân vào cảnh bị phá sản. Tình hình khốn khổ của nhân dân đã lên đến cực độ [2]. Các cuộc khởi nghĩa nông dân bùng nổ mạnh mẽ ở Đàng Ngoài. Trong số các cuộc khởi nghĩa nông dân thời kỳ này, tiêu biểu nhất là các cuộc nổi dậy của Nguyễn Hữu Cầu ở Hải Phòng (Quận He), Nguyễn Danh Phương ở Tam Đảo (Quận Hèo), Lê Duy Mật (Thăng Long - Thanh Hoá), Hoàng Công Chất (Mường Thanh)...

Trong khi đó ở Đàng Trong, cuộc khủng hoảng diễn ra trễ hơn. Đàng Trong là vùng đất mới khai phá. Đặc biệt sau khi hoàn thành xác lập chủ quyền ở Nam Bộ [3], Đồng bằng sông Cửu Long đất đai phì nhiêu màu mỡ và còn hoang hoá nhiều vì thế đã giúp các chúa Nguyễn duy trì được sự phát triển và ổn định về kinh tế - xã hội trong một thời gian dài. Dưới thời kỳ trị vì của Võ Vương Nguyễn Phúc Khoát (1738-1765), sự phát triển về chính trị - xã hội của Đàng Trong đạt tới đỉnh cao. Sau khi chúa Nguyễn Phúc Khoát mất (1765), chính quyền rơi vào tay quyền thần Trương Phúc Loan [4]. Bộ máy Đàng Trong rối loạn; thuế khoá nặng nề; đời sống nhân dân Đàng Trong lâm than. Năm 1751, Biểu Nghi hầu Nguyễn Cư Trinh đã từng dâng chiếu chi lên Võ Vương nêu lên những nỗi thống khổ của nhân dân nơi mình cai quản (Quảng

Ngãi) như sau: “Việc hại dân ngày nay thì cấp lính, nuôi voi, nộp án, 3 việc ấy là trước hết, ngoài ra những phí quá lệ rất nhiều, việc ấy vốn dân kinh kỳ, không dám vượt chức nói đến... Dân Quảng Ngãi chịu thống thuộc nhiều nơi, đã chịu lệnh các nha trường sai đư, lại chịu lệnh các nha trường điền tô, lại chịu lệnh các nha biệt tái, biệt nạp, lại chịu lệnh các nha viên vi tử, lại chịu lệnh bản phủ, lại chịu lệnh quan lại nha môn, lại chịu lệnh các sai nhân, lại chịu lệnh của người đi săn ngang dọc, há không phải mười con dê đến chín người chăn, nghèo khổ thất nghiệp rất là đáng thương” [5]. Những cuộc khởi nghĩa bùng nổ, tiêu biểu là khởi nghĩa Tây Sơn lật đổ chính quyền Đàng Trong, bắt giết hai chúa Nguyễn Phúc Thuần và Nguyễn Phúc Dương (1777), chỉ còn Nguyễn Ánh chạy thoát và tiếp tục cuộc chiến chống Tây Sơn, giành lại vương quyền sau này.

Tóm lại, Đại Việt ở thế kỷ XVIII là thời kỳ hỗn loạn sau một thời gian tạm thời yên bình kể khi chúa Nguyễn và chúa Trịnh đình chiến và lấy sông Gianh làm giới tuyến chia đôi đất nước. Cả Đàng Ngoài và Đàng Trong đều rơi vào khủng hoảng theo những cách khác nhau. Các phong trào nông dân bùng nổ mạnh mẽ ở cả Đàng Ngoài và Đàng Trong, thúc đẩy cho sự sụp đổ nhanh hơn của 2 chính quyền và góp phần thúc đẩy cho sự thống nhất đất nước trở lại. Trong đó tiêu biểu nổi lên phong trào Tây Sơn bùng nổ năm 1771. Phong trào Tây Sơn do 3 anh em Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ, Nguyễn Lữ lãnh đạo nổ ra ở Tây Sơn thượng đạo (An Khê - Gia Lai). Với khẩu hiệu “lấy của nhà giàu chia cho nhà nghèo”, “Diệt quyền thần Trương Phúc Loan, khôi phục Hoàng tôn Dương”, nghĩa quân đã nhanh chóng thu hút được nhiều tầng lớp nhân dân tham gia. Số quân lên đến vài nghìn người. Đồng thời, nghĩa quân còn nhận được sự giúp đỡ của một số nhà giàu trong hạt Quy Nhơn như Huyện Khê, giúp về tài chính. Từ đó, anh em Tây Sơn có điều kiện mộ lính, sắm sửa khí giới khiến cho thanh thế Tây Sơn càng ngày càng mạnh. Họ kéo quân đánh các ấp xung quanh, nhanh chóng mở rộng địa bàn xuống Tây Sơn hạ đạo (Quy Nhơn) [4]. Một giáo sĩ Tây Ban Nha viết về quân Tây Sơn: “Họ tuần hành trong các làng, tuyên bố với dân chúng rằng họ không phải là giặc cướp mà là những người làm theo ý của trời; họ muốn thực hiện công lý trong xã hội và giải phóng nhân dân khỏi ách chuyên chế của bọn vua quan. Họ tuyên truyền sự bình đẳng về mọi mặt... lấy của cải của quan lại và phú hào để phân phát cho dân nghèo. Những làng xã nghèo khổ ở dưới gánh nặng thuế má hà khắc hăm hở tuyên thệ theo họ...” [6]. Đến năm 1773, nghĩa quân Tây Sơn đã làm chủ được phủ Quy Nhơn, một dải từ thành Quy Nhơn đến địa phận Quảng Nam trở thành căn cứ địa vững chắc cho phong trào Tây Sơn. Trước sức mạnh như chẻ tre của quân Tây Sơn, chính quyền chúa Nguyễn lúng túng, chưa kịp đối phó thì chúa Trịnh nhân cơ hội đem quân vượt sông Gianh tấn công Đàng Trong. Sau khi lật đổ chính quyền Đàng Trong, đánh bại quân Xiêm ở Rạch Gầm - Xoài Mút (1785), quân Tây Sơn vượt sông Gianh tấn công ra Đàng Ngoài lật đổ chính quyền chúa Trịnh. Ranh giới sông Gianh chia đôi đất nước hơn 1 thế kỷ đến nay bị xoá bỏ. Tuy nhiên, từ đó cho đến hết thế kỷ XVIII là thời kỳ diễn ra dồn dập nhiều sự kiện, làm cho các triều đại có sự xoay chuyển liên tục [7, 8].

Trong bối cảnh hỗn loạn như vậy, những nho sĩ thời Lê Mạt đứng trước thử thách phải lựa chọn hướng đi, lựa chọn vị mình quân để tôn thờ. Điều này đã tạo nên sự phân hoá sâu sắc đối với tầng lớp trí thức thời kỳ này: người sống chết theo nhà Lê, người theo triều đại mới của Quang Trung, người theo chúa Nguyễn Ánh ở Gia Định, người thì chọn cách ở ẩn tránh xa sự đời. Nổi bật trong đó La Sơn Phu tử Nguyễn Thiếp đã chọn cho mình một hướng đi riêng, hướng đi thể hiện sự thức thời với thời cuộc, trước hết là hướng đến lợi ích của nhân dân.

Nguyễn Thiếp họ Nguyễn, húy Minh, tự Quang Thiếp (ngoài ra cụ còn có nhiều hiệu khác như: La Sơn phu tử, La Giang phu tử, Lam Hồng Di Nhân, Hạnh Am, Lục Niên hầu, Lạp Phong cư sĩ... [9]. Ông sinh ngày 25/8 năm Quý Mão (1723), đời Lê Bảo Thái thứ tư tại làng Mật Thôn, xã Nguyệt Ao, tổng Lai Thạch, huyện La Sơn, phủ Đức Quang (nay thuộc huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh). Xã Nguyệt Ao ở giữa một cánh đồng, thuộc triền sông Lam, cách về phương nam chừng mười cây số. Thủy tổ của ông là Nguyễn Hợp, quê ở Cương Gián, Nghi Xuân, trấn Nghệ An. Cụ Nguyễn Hợp có hai người con trai: con trai cả Nguyễn Khai và con trai thứ Nguyễn Hội. Con trai cả Nguyễn Khai lấy vợ lẽ ở làng Nguyệt Ao, tổng Lai Thạch, sinh con cháu rồi lập chi họ Nguyễn ở xã Nguyệt Ao (hay Áo, còn gọi là Nguyệt Úc), tổng Lai Thạch, huyện La Sơn, phủ Đức Quang (nay là xã Kim Lộc, huyện Can Lộc, Hà Tĩnh). Đến đời bố ông là Quản lĩnh Nguyễn Quang Trạch, mẹ là người họ Nguyễn cùng làng, Nguyễn Thiếp ra đời tại làng này.

3. Người trí thức nắm rõ về thời cuộc, ung dung tiến thoái

3.1. Đỗ đạt làm quan nhưng từ bỏ con đường công danh sống ẩn dật trong bối cảnh hỗn loạn

Nguyễn Thiếp sinh ra trong một gia đình có truyền thống hiếu học của xứ Nghệ. Thân mẫu của Nguyễn Thiếp thuộc dòng dõi họ Nguyễn “Trường Lưu”, huyện Can Lộc, cũng là một dòng họ danh gia vọng tộc ở xứ Nghệ. Họ Nguyễn “Trường Lưu” có những nhân vật xuất chúng một thời như Nguyễn Huy Oánh, Nguyễn Huy Quýnh, Nguyễn Huy Tự... [10]. Theo Hoàng Xuân Hãn dự đoán, lúc còn nhỏ, Nguyễn Thiếp có lẽ học ở nhà với chú là Nguyễn Hành, người đậu Hương giải vào năm 1723, sau đậu Tiến sỹ vào năm Long Đức thứ 2 (1733). Trong thời gian chưa đậu Tiến sỹ, có thể Nguyễn Hành dạy học ở nhà [11]. Thời niên thiếu, Nguyễn Thiếp thông minh, mẫn tiệp nổi tiếng cả vùng. Năm 1743, khoa thi năm Quý Hợi, Nguyễn Thiếp đi thi Hương liền đậu Hương giải. Một thanh niên mới hơn 20 tuổi, thi lần đầu đã đậu Hương công. Con đường công danh phía trước đã rộng mở, có thể ra giúp nước, cứu đời. Tuy nhiên, Nguyễn Thiếp đã từ chối con đường khoa cử, không tiếp tục ra kinh đô thi Hội mà lên núi ở ẩn, nghiên cứu sách Nho gia, sống đời ẩn sĩ.

Năm Mậu Thìn (1748), ông ra Bắc dự thi Hội nhưng chỉ vào đến tam trường. Sau đó, ông vào Bó Chính (Quảng Bình) dạy học. Vì miếng cơm manh áo phải lo cho gia đình [11], Nguyễn Thiếp đã nhận chức Huấn đạo (chức quan trông coi việc học trong một huyện) ở Anh Đô (phủ Anh Sơn, tỉnh Nghệ An). Được 6 năm, ông được đổi làm Tri huyện Thanh Giang (nay là Thanh Chương, Nghệ An) [12]. Tuy làm quan bắt đắc dĩ, nhưng chỉ ở ẩn của Nguyễn

Thiếp đã có từ lâu. Thêm nữa ở chốn quan trường, Nguyễn Thiếp đã thấm thía sự mục rỗng của bộ máy quan lại và sự thống khổ của người dân thời kỳ này. Điều này càng củng cố thêm quyết tâm ở ẩn của ông. Năm Mậu Tý (1768), Nguyễn Thiếp xin từ quan về quê, lên ẩn cư ở núi Thiên Nhẫn. Núi Thiên Nhẫn là dãy núi giáp hai huyện Hương Sơn (Hà Tĩnh hiện nay) và Thanh Chương (Nghệ An). Bùi Dương Lịch miêu tả: “*Từ núi Thiên Nhẫn xuống phía nam phía đông làm các núi ở tổng Yên Việt, huyện La Sơn, xuống đồng bằng, phía nam, phía đông giáp sông Lam. Đó là đất các tổng Yên Việt và Thịnh Quả, huyện La Sơn*” [13]. Theo Hoàng Xuân Hãn, tục truyền núi ấy có chín mươi chín ngọn, ở giữa ba ngọn cao gọi là Tam Thai; ngọn giữa là Động Chủ. Trên ngọn ấy có thành Lục Niên. Thành này do vua Lê Lợi đắp để chống lại quân Minh đầu thế kỷ XV. Phía đông bắc thành Lục Niên, có nhiều ngọn núi con. Một ngọn có tên Bùi Phong [11]. Đây chính là nơi La Sơn Phu tử lập trại ẩn cư. Đây là giai đoạn Nguyễn Thiếp đã từ bỏ hết danh vọng và sống cuộc đời của một cư sĩ chuyên tâm nghiên cứu học pháp, dạy học, lánh xa sự đời.

Khoảng thời gian ẩn cư của Nguyễn Thiếp có bị gián đoạn chút ít, khi vào năm 1780, chúa Trịnh Sâm mời ông ra Thăng Long hỏi về chính sự. Gia phả họ Nguyễn ghi rõ: “*Chúa Trịnh Sâm nghe tiếng cụ, sai người mời ra Đông kinh để lo việc nổi ngôi vua Lê (tức cướp ngôi nhà Lê - TKĐ chú). Cụ cho làm thế không phải, nên rút cuộc Chúa không dùng*” [14]. Lúc này Nguyễn Thiếp đã 60 tuổi, trở về trường cũ trong núi sâu và tiếp tục dạy học, nghiên cứu học thuật.

Có thể nói khoảng thời gian này (cho đến 60 tuổi), dù có những gián đoạn nhỏ vì hoàn cảnh khách quan, Nguyễn Thiếp một lòng lánh xa quan trường, lánh xa những tranh chấp đang diễn ra khốc liệt trên vũ đài chính trị của Đại Việt ở cuối thế kỷ XVIII. Là một người nho sĩ, với tư tưởng “trung quân” hơn ai hết ông vẫn một lòng tôn phụng vua Lê là chính thống, tuy nhiên, trong tâm tưởng của mình, người trí thức của thời đại ấy vẫn ước vọng về một minh quân và triều đại lý tưởng có thể giúp dân, giúp nước qua con bĩ cực. Tâm tư này được ông thể hiện trong các tác phẩm của mình, như bài thơ *Đang mưa nhìn cổ hương*: “... *Mùa mát sạch sành sanh - Gạo đất nổi mốc hủ - Nghèo, đau, tuổi sáu mươi - Tây phương nhìn mới cổ*” [14]. Tâm sự này mạnh mẽ từ một lòng yêu nước, thương dân, phần nào vượt ra khỏi khuôn khổ của lễ giáo phong kiến trong con người trí thức khẳng khái, nhìn nhận rõ thời cuộc. Điều này Nguyễn Thiếp đã phần nào đó kế thừa từ một vị tiền bối, một trí thức lớn của Đại Việt ở thế kỷ trước, đó là trạng Trình Nguyễn Bỉnh Khiêm. Cao Tự Thanh đã từng nhận xét về con đường chính trị của Nguyễn Bỉnh Khiêm như sau: “*Với Nguyễn Bỉnh Khiêm, giới nho sĩ - trí thức Việt Nam đã đạt tới một trình độ nhận thức cũng như khả năng ứng xử chính trị cao hơn so với thời gian trước đó. Sự phân biệt vương triều chính thống với văn hóa truyền thống nơi họ đã minh bạch hơn trước, điều này giúp họ vươn lên thành tầng lớp thể hiện và phản ánh không những quyền lợi và tương lai của đất nước mà còn cả lợi ích và nguyện vọng của nhân dân*” [15]. Cũng từ trạng Trình “ở ẩn” không còn giống như trước đây “mũ ni che tai”, lánh xa sự đời mà ở ẩn vẫn lắng nghe thế sự, trau dồi bản thân, sẵn sàng giúp dân, giúp nước khi có cơ hội.

Có lẽ vì mỗi tương thông với bậc tiền nhân mà trong một lần ra bắc, Nguyễn Thiếp đã tìm về trấn Hải Dương mong tìm lại những dấu tích gắn với cuộc đời của Bạch Vân cư sĩ và ngậm ngùi viết trong bài thơ “Quá Trình Tuyên mục tự” (Qua chùa cũ của Trình Tuyên) trong đó có những dòng thơ ca ngợi Nguyễn Bình Khiêm là người “có tài áo cơ thâm tạo hóa” (mưu cơ thâm kín can dự cả vào công việc của tạo hóa) hay “phiến ngữ toàn tam tính” (một lời ngắn gọn mà bảo toàn cho cả ba họ). Thái độ ứng xử chính trị này chính là tiền đề để Nguyễn Thiếp dễ dàng tiếp nhận những biến thiên của lịch sử và tạo nên những chuyển biến lớn về tư tưởng trong giai đoạn sau.

3.2. Thức thời ra giúp vua Quang Trung

Biến thiên lịch sử lớn nhất ở cuối thế kỷ XVIII là cuộc khởi nghĩa Tây Sơn nổ ra, lật đổ chúa Nguyễn (Đàng Trong) và chính quyền chúa Trịnh ở Đàng Ngoài, chấm dứt tình cảnh đất nước bị chia cắt kéo dài hơn 1 thế kỷ. Trong giai đoạn đầy biến động đó của Đại Việt, Nguyễn Thiếp đã tìm thấy được lý do chính đáng để xuống núi, đứng ra kinh bang tế thế, giúp dân, giúp đời. Cuộc gặp lịch sử giữa một vị tướng trẻ nhưng uy dũng, đánh đông dẹp bắc với một vị trí thức già tưởng như đã hết thời đã tạo nên một mối lương duyên đặc biệt.

Tuy nhiên, trong những lần trao đổi đầu tiên, người trí thức Nho học vẫn có sự dè dặt nhất định, vẫn đề cao tính “chính thống” của vua Lê. Vì vậy trong ba lần Nguyễn Huệ cho người mang thư lên núi Thiên Nhẫn mời ông ra giúp, Nguyễn Thiếp đều tìm lý do để từ chối. Lần 1, vào năm Cảnh Hưng thứ 47 (1786), theo kế của Nguyễn Hữu Chỉnh, sau khi lật đổ chúa Nguyễn ở Đàng Trong, Nguyễn Huệ cho quân vượt sông Gianh tấn công ra Đàng Ngoài lật đổ chúa Trịnh. Lật đổ xong chúa Trịnh, Nguyễn Huệ trao chính quyền lại cho vua Lê và trở lại Quy Nhơn. Trong thời gian này, Nguyễn Huệ viết thư, sai hai triều quan, một quan bộ Binh, một quan bộ Hộ mang thư và lễ vật, năm nén vàng và hai tấm lụa, đến sơn trại mời Nguyễn Thiếp ra giúp. Lễ vật thì rất hậu, lời lẽ trong thư (dù chưa gặp một lần) nhưng rất trọng thị. Nguyễn Huệ tôn ông lên bậc Y Doãn, Chu Công, đồng thời xin lỗi và giảng giải lý do mình không trực tiếp đến được [11]. Nguyễn Thiếp đã khéo léo từ chối. Ông đưa ra 3 lý do để trả lời Nguyễn Huệ, tự nhận mình là một thần tử nhà Lê, tuổi cao, tài hèn sức mọn, không thể giúp gì được. Ba lý do trên chỉ là những cái cớ mà Nguyễn Thiếp đưa ra để thoái thác việc xuống núi giúp Nguyễn Huệ. Lý do thực sự là ông vẫn đang một lòng trung với vua Lê, còn Nguyễn Huệ thì trong thâm tâm Nguyễn Thiếp vẫn chỉ coi là một người tù trưởng ở vùng biên thủy (thậm chí là giặc phương xa). Lần 2, dù đã bị từ chối trước đó, Bắc Bình vương vẫn không bỏ cuộc, trái lại còn quyết tâm mời cho kỳ được La Sơn Phu tử ra giúp sức mới mong sớm ổn định được tình hình Bắc Hà. Tháng 8/1787, Nguyễn Huệ lại cử quan Lưu thủ là Nguyễn Văn Phương và Binh bộ Thị lang Lê Tài ra Nghệ An dâng thư mời Nguyễn Thiếp. Lần này, lời lẽ của Nguyễn Huệ còn khiêm nhường và khéo léo hơn, không mời Phu tử ra giúp mình mà mời ra cứu thiên hạ, cứu sinh dân mà thôi. Vậy nhưng, Nguyễn Thiếp vẫn viện cớ tuổi già, sức khoẻ yếu khéo léo

từ chối [14]. Nhận thư từ chối, Bắc Bình vương càng thêm nỗ lực và càng quyết tâm mời Phu tử. Ngày 13/9/1787, Nguyễn Huệ viết thư lần 3, sai quan Thượng thư Bộ hình Hồ Công Thuyên dâng thư mời Nguyễn Thiếp. La Sơn Phu tử vẫn thoái thác không xuống núi.

Qua ba lần Nguyễn Huệ khẩn khoản mời, có thể khẳng định chính lòng cô trung với triều Lê là một trong những nguyên nhân cơ bản quyết định thái độ bất hợp tác ban đầu này của Nguyễn Thiếp với triều Tây Sơn. Chắc chắn vì nhiều lý do, khi thảo những bức thư từ, biểu tấu để dâng lên người đứng đầu vương triều Tây Sơn, Nguyễn Thiếp đã không trực tiếp bày tỏ lòng cô trung với tiền triều. Dầu vậy, không ít ngôn từ, chữ nghĩa của văn bản mang ý nghĩa của thái độ đó [16]. Trong khi những bức thư của Nguyễn Huệ ghi niên hiệu Thái Đức, thì Nguyễn Thiếp lại kết thúc thư với việc đề niên hiệu của vua Lê (Cảnh Hưng, Chiêu Thống). Tuy nhiên, từng bước, với lòng nhất mực “cầu hiền” của Bắc Bình vương, đã khiến Nguyễn Thiếp có sự lung lay, giằng xé giữa một bên là niềm tri ân trước tấm thịnh tình của Nguyễn Huệ với một bên là lòng tự trọng của một nho sĩ.

Ba lần gửi thư mời không thành công, dù không phải “Tam cố thảo luận”, tuy nhiên, qua đó có thể thấy được sự trọng vọng và sự ưu ái bậc nhất của “người anh hùng áo vải” đối với một trí thức của triều đại trước. Ở lần diện kiến trực tiếp đầu tiên vào tháng 4 năm Mậu Thân (1788), Bắc Bình vương tiếp tục thể hiện tấm lòng hướng về vị hiền tài đang ẩn cư trên núi Thiên Nhẫn. Trên đường ra Thăng Long trừ Vũ Văn Nhậm, khi đến đất Nghệ An, Nguyễn Huệ đã cử Cận Tín hầu Nguyễn Quang Đại mang thư đến mời Nguyễn Thiếp đến hội kiến ở đại bản doanh đóng ở núi Nghĩa Liệt, gần bên Phù Thạch. Trong cuộc hội kiến ở núi Nghĩa Liệt, Bắc Bình vương tiếp tục mời Phu tử ra giúp việc nhưng cụ tiếp tục từ chối. Nguyễn Huệ có bảo nhờ Nguyễn Thiếp giúp coi địa lý để định lập đô ở đất Nghệ An. La Sơn Phu tử dù chưa hoàn toàn vui vẻ đồng ý, tuy nhiên dần dần ông đã chấp thuận phần nào để gánh vác trách nhiệm tìm đất đóng đô cho triều đại mới. Vậy nên một thời gian ngắn sau, Nguyễn Huệ tự tay viết lá thư trách cứ và giục Nguyễn Thiếp phải xúc tiến việc xem đất để định đô ở Nghệ An. Dựa vào tờ chiếu vào ngày 1 tháng 6 Thái Đức năm thứ 11 (1788), có thể thấy Bắc Bình vương đã chọn đất đóng đô ở Nghệ An trên đường ra Bắc và ban đầu dự định lập ở Phù Thạch trên sông Lam, dưới chân núi Nghĩa Liệt. Nghệ An ở trung độ Bắc - Nam, nơi đây là trung tâm chôn Hồng - Lam, địa thế kề sông, cạnh núi, thuận tiện giao thông mà cũng lợi cho phòng thủ [11]. Hơn nữa, Phù Thạch từ thời Lê có thời kỳ đã là Ly sở của thừa tuyên Nghệ An, có thể kể thừa được ít nhiều doanh thự, thành quách. Tuy nhiên, La Sơn Phu tử đã từ chối, có thể vì cho rằng Phù Thạch chưa xứng tầm của một kinh đô, đất chật hẹp, kề núi, sát sông, bờ sông lại hay bị lở. Sau đó, dự kiến kinh đô dời về Yên Trường, cách núi Lam Thành chừng 10 cây số về phía bắc và cuối cùng quyết định xây dựng kinh đô ở núi Dũng Quyết, cách Yên Trường chừng 2 cây số về phía đông nam và cách Lam Thành chừng 8 cây số, gọi là “Phượng Hoàng Trung đô”. Dựa theo ghi chép của bộ tiêu thuyết Hoàng Lê nhất thống chí của Ngô gia văn phái, cùng ghi chép của các sử gia nhà Nguyễn sau này có thể thấy, sau khi đánh tan quân

Thanh (1789), vua Quang Trung đã xúc tiến việc xây dựng hành cung ở đây, trong quá trình đó chắc chắn có sự đóng góp không nhỏ của La Sơn Phu tử Nguyễn Thiếp [17].

Cuối năm 1788, sau khi lên ngôi Hoàng đế tại núi Bân (Phú Xuân, Huế), vua Quang Trung kéo quân ra Bắc đánh quân Thanh. Khi đến Nghệ An nghỉ binh, nhà vua lại triệu Nguyễn Thiếp đến hỏi kế sách đánh đuổi quân Thanh xâm lược. Trong buổi hội kiến lần thứ 2 này, theo miêu tả của Hoàng Lê nhất thống chí vua Quang Trung hỏi Nguyễn Thiếp: Quân Thanh lại đây. Ta muốn đem quân chống lại. Mẹo đánh và giữ, cơ được hay thua, tiên sinh nghĩ xem ra làm sao? Thiếp trả lời: “Bây giờ trong nước trống không, lòng người tan rã, quân Thanh thì ở xa tới mà lòng bọn tướng soái thì huênh hoang tự đắc, chúng không cần biết tình hình quân ta yếu hay mạnh, binh lương và trận chiến sẽ xảy ra như thế nào, còn quân lính thì phân vân không biết là sang đánh hay đến giữ theo sự khẩn khoản của vua Lê... Số quân của Hoàng đế kéo từ miền trong ra chưa đủ để chống đối với quân giặc, mà trở lại chiêu mộ thêm binh thì thời gian không cho phép. Vậy Hoàng đế phải tuyên mộ ngay quân lính ở đất Thanh Nghệ, vì nơi đây là đất thượng võ xưa nay, anh hùng nhiều, mà hào kiệt cũng nhiều”. Khi vua Quang Trung hỏi chiến thuật đánh quân Thanh, Nguyễn Thiếp trả lời: “Người Thanh ở xa tới mệt nhọc không biết tình hình khó dễ thế nào. Nó có bụng khinh địch. Nếu đánh gấp thì không ngoài mười ngày sẽ phá tan. Nếu trì hoãn một chút thì khó lòng mà được”. Vua Quang Trung mừng rỡ mà nói rằng: “Ông chính nói hợp ý tôi” [10]. Diễn biến của trận quyết chiến với quân Thanh quả đúng như dự kiến thiên tài của vua Quang Trung cũng như nhận định chính xác của La Sơn Phu tử. Sau đại thắng vào đầu xuân Kỷ Dậu (1789), vua Quang Trung về đến Nghệ An lại mời Nguyễn Thiếp đến bàn quốc sự. Trong bức thư gửi Nguyễn Thiếp, vua Quang Trung thổ lộ: “Trăm ba lần xa giá Bắc thành, Phu tử đã chịu ra bàn chuyện thiên hạ. Người xưa bảo rằng: Một lời nói mà dấy nổi cơ đồ. Lời Tiên sinh hẳn có thể thật” [11].

Có thể thấy đến thời điểm này, dù chưa nhận cộng tác chính thức, nhưng La Sơn Phu tử đã cảm cái tình và tính chính nghĩa của vương triều Quang Trung. Nguyễn Thiếp là người trí thức nhận thức rõ thời cuộc. Khác với một số kẻ sĩ thời Lê Mạt, thà chết vẫn hết lòng hướng chính quyền vua Lê - chúa Trịnh như Ngô Cảnh Hoàn, Lý Trần Quán, Trần Công Xán... [18], Nguyễn Thiếp nhận thấy rõ tính chính thống của nhà Lê mà mình tôn phò không còn ý nghĩa khi vua Chiêu Thống cầu viện quân Thanh giày xéo non sông. Như nhận định của Hoàng Xuân Hãn: “*Có lẽ cụ nghĩ rằng vận nhà Lê đã hết thật. Vua Lê Chiêu Thống đã đưa quân ngoại quốc về làm hại nước nhà. Nguyễn Huệ ban đầu là một thằng giặc nước ngoài, sau lại thành một gian hùng mượn kế diệt Trịnh phủ Lê, rồi thôn hoạch nước mình. Nhưng dần dần, Huệ đã hoá ra một vị anh hùng cứu quốc, đánh kẻ ngoại xâm. Sau cụ cũng thấy rằng tuy là kẻ vũ phu, nhưng Huệ biết lẽ phải chăng, trọng điều đạo đức, lại biết trọng người. Và chăng, hay dở gì Huệ cũng là ông vua của cả nước. Cho nên lần này cụ đã đứng*” [11]. Điều này thể hiện rõ trong thư Nguyễn Thiếp gửi vua Quang Trung vào tháng 9/1789. Lời lẽ trong lá thư có thể thấy từ trong sâu thẳm đáy lòng, Phu tử đã bị xao động trước con người và tâm lòng của vua Quang Trung.

Nguyễn Thiếp đã thầm coi Quang Trung là một đấng trượng phu, một bậc anh hùng, một vị quân vương xứng đáng, cũng như đã thừa nhận sự hiện diện chính đáng, hợp đạo của vương triều Tây Sơn. Thế cho nên, đến lúc này, trong bài biểu, Nguyễn Thiếp mới dùng từ “cẩn tấu”, đề niên hiệu “Quang Trung”, tôn Nguyễn Huệ là “Hoàng thượng” và nhận mình là “tiện thần”. Đặc biệt ở bức thư này, Nguyễn Thiếp đã không cố tình viện cớ để thoái thác và bắt hợp tác với Nguyễn Huệ mà lại xin được làm “cố vấn dự bị”. Chỉ có điều, vì thanh danh kẻ sĩ, La Sơn Phu tử không thể nhận lộc vua ban, càng không thể ra làm quan lúc này, mà đành xin được làm một “kẻ dật dân trong đời thịnh”. Bài biểu tấu có ý nghĩa bản lề trong mối quan hệ giữa La Sơn Phu tử với triều đại Quang Trung [16]. Từ đây, Nguyễn Thiếp đã chính thức bắt tay hợp tác và có những đóng góp nhất định vào sự ổn định và phát triển của chính quyền mới.

Tuy nhiên, cũng cần phải thấy rằng, ngay từ khi dứt tình cũ và hợp tác với chính quyền mới, dường như Phu tử đã tự vạch ra cho mình một giới hạn nhất định của sự hợp tác. Khác với những kẻ sĩ cùng thời từ bỏ nhà Lê đi theo Tây Sơn tiêu biểu như Ngô Thời Nhậm, Phan Huy Ích... trở thành quan chức của nhà nước mới. La Sơn Phu tử Nguyễn Thiếp phò tá vua Quang Trung nhưng theo cách riêng: với tư cách là người cố vấn, người Thầy. Như cái cách ông nêu ra trong tờ chiếu gửi vua Quang Trung trước đó, Phu tử muốn là một “cố vấn dự bị” hơn là một chức quan chính thức, vẫn là “kẻ dật dân trong thời thịnh” chỉ ra giúp dân, giúp đời trong những ngày đầu còn hỗn độn. Vì vậy, La Sơn Phu tử đã rất nhiệt huyết và dốc hết tâm can để đưa ra cho vua Quang Trung những lời khuyên về việc trị nước, ổn định đời sống nhân dân và phát triển giáo dục của đất nước. Lời nói đầu tiên về đạo trị nước của ông là khuyên vua nên vì đức, vì dân, chứ không phải vì lợi ích cá nhân, không có lời a dua, xu nịnh để mang lợi cho mình. Phu tử cũng đề nghị vua nên rút bớt số quan lại để bớt phiền dân, và muốn quan trấn được rộng quyền tự do hành động [11]. Bức biểu tấu tâm huyết bị đi vào quên lãng vì nhiều lý do khách quan (chủ yếu là do Quang Trung còn bận lo vấn đề ngoại giao với nhà Thanh), nhưng Phu tử vẫn không nản lòng. Cuộc diện kiến lần thứ 4 tại Phú Xuân (1791), La Sơn Phu tử đã chuẩn bị và dâng lên vua Quang Trung một bản tấu dài với lời lẽ thông thiết mà người ân sĩ không ngần ngại hiến cho vương triều Tây Sơn. Nội dung bàn về ba vấn đề cốt lõi của chính sự: quân đức, dân tâm và học pháp. Phu tử đã đưa ra những kế sách tiến bộ đúng đắn và có ý nghĩa thiết thực với thời đại lúc bấy giờ. Phải có tấm lòng triu mến chân thành, Nguyễn Thiếp mới có thể nói ra những lời gan ruột, bộc trực như vậy [11, 16].

Ngoài ra, một lĩnh vực rất quan trọng khác mà La Sơn Phu tử Nguyễn Thiếp đã hăng hái góp sức và có nhiều đóng góp, đó là lĩnh vực cải cách giáo dục. Sau khi đánh thắng quân Thanh (1789), Nguyễn Thiếp trở thành một trong những trí thức được vua Quang Trung tin cậy nhất. Ở khoa thi Hương đầu tiên dưới triều đại Quang Trung được tổ chức ở Nghệ An (năm 1789), Nguyễn Thiếp được cử làm Đề điều kiêm Chánh Chủ khảo [10]. Sau cuộc hội kiến ở Phú Xuân, vua Quang Trung theo lời bàn của Phu tử đã ban chiếu lập Sùng Chính viện ngay nơi Nguyễn Thiếp ở ẩn và mời ông làm Viện trưởng. Lời chiếu cho ta thấy được sự trọng vọng của vua Quang

Trung đối với La Sơn Phu tử lớn như thế nào: “Chiếu cho La Sơn đặt sĩ Nguyễn Thiếp được biết, ông tuổi đức đều cao, tất cả sĩ phu đều trông ngóng như núi Thái Sơn, sao Bắc Đẩu. Nay trong nước đã yên. Trẫm toan hưng khởi chính học. Ông đã lấy học thuận tiện bên tả bên phải cho phép học. Trẫm rất vui lòng. Trẫm đặt Sùng Chính viện ở Vĩnh Kinh, tại núi Nam Hoa; ban cho ông làm chức Sùng Chính viện Viện trưởng. Cho ông hiệu La Sơn tiên sinh và giao ông chuyên coi việc giảng dạy. Nhất định theo phép học Chu Tử, khiến cho nhân tài có thể thành tựu, phong tục trở lại tốt đẹp” [11]. Nhà vua coi Nguyễn Thiếp là một trí thức lớn đại diện cho những người khác có thể trông vào và noi theo (có thể đây chính là lý do vua Quang Trung luôn có sự tôn trọng hết mực đối với La Sơn Phu tử ngay từ những ngày đầu). Cũng vì vậy, vua đã cho xây Sùng Chính viện ngay tại nơi Phu tử ở ẩn, để ông hết lý do từ chối.

Trong suốt thời gian Viện hoạt động, những công việc của Nguyễn Thiếp và Sùng Chính viện có ý nghĩa rất lớn đối với việc đặt nền móng cho công cuộc cải cách giáo dục của vương triều Tây Sơn. Có thể nói công lao lớn nhất của Nguyễn Thiếp là thực hiện chủ trương của Quang Trung: chấn hưng, đề cao chữ Nôm, đưa chữ Nôm trở thành văn tự chính thức của nhà nước. Phu tử đã cùng với các phụ tá trong Sùng Chính viện dịch nhiều bộ sách quan trọng từ chữ Hán sang chữ Nôm, như các bộ: Tiểu học, tứ thư (gồm 32 tập) và các bộ Kinh thi, Kinh thư, Kinh dịch... sang chữ Nôm để chuẩn bị quy chế mới về học tập và thi cử dưới thời Tây Sơn [10].

Tiếc rằng công việc của Sùng Chính viện đang thu được những thành quả tích cực thì vua Quang Trung đột ngột băng hà (1792). Sau khi vua Quang Trung mất, Sùng Chính viện bị xoá bỏ, La Sơn Phu tử trả lại lộc đã được ban cấp, lên lại núi Thiên Nhẫn, sống ẩn dật nghiên cứu kinh thư, chuyên nghề dạy học như trước đây. Sau này vua Quang Toàn có mời Phu tử ra phò tá nhưng ông đã từ chối.

Sau khi tiêu diệt nhà Tây Sơn (1802), Nguyễn Ánh đã xử những người đi theo Tây Sơn vô cùng tàn bạo. Những danh tướng lừng lẫy một thời như Trần Quang Diệu, Bùi Thị Xuân, Võ Văn Dũng... đều bị hành hình. Tuy nhiên, đối với Nguyễn Thiếp, Nguyễn Ánh vẫn rất kính trọng và có ý muốn mời ra phò tá mình. Nguyễn Thiếp đã từ chối, sau đó ông cáo từ mà không nhận bất cứ lễ vật nào. Nguyễn Thiếp về lại núi Thiên Nhẫn, tiếp tục sống ẩn dật như xưa, cho đến khi qua đời 2 năm sau đó (năm 1804).

4. Kết luận

La Sơn Phu tử Nguyễn Thiếp là một trí thức Nho học đặc biệt trong bối cảnh đầy bi hùng của lịch sử Việt Nam ở thế kỷ XVIII. Sự đặc biệt của Nguyễn Thiếp như học giả Hoàng Xuân Hãn đánh giá “trong đời Phu tử chỉ lấy đạo làm đèn soi đường tiến thoái” [11]. Phu tử không bảo thủ cố chấp ôm khư khư lòng cô trung với triều đại trước; ông ra giúp triều đại mới nhưng với tư cách là “cố vấn dự bị”; khi nhận chức quan cũng chỉ là ông quan giáo dục ở chính nơi mình đang ở ẩn. Lúc thấy “đạo” mình không đạt thì từ bỏ tất cả và quay lại với cuộc đời ẩn dật trước kia, không sợ uy quyền, không tổn hại phẩm giá. Đó cũng chính là sự thức thời của một kẻ sĩ hiền thời cuộc, ung dung tự tại thi triển sở học với đời.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] N.T. Thu, P.D. Doan, N.D. Su, et al. (2019), *History of Vietnamese Ideology*, 1, Hanoi Pedagogical University Publishing House, p.358 (in Vietnamese).
- [2] D.A. Duy (2018), *Vietnamese History from Its Origins to The 19th Century*, National Culture Publishing House, p.411 (in Vietnamese).
- [3] H.D. Trinh (2006), *Gia Đình Thanh Thong Chi*, Dong Nai Publishing House, p.114 (in Vietnamese).
- [4] T.T. Vinh (2017), *History of Vietnam*, 4, Social Sciences Publishing House, 335pp (in Vietnamese).
- [5] Q.D. Le (2021), *Phu Bien Tap Luc*, Social Sciences Publishing House, 228pp (in Vietnamese).
- [6] H.L. Phan, T. Chu, H.T. Vuong, et al. (1960), *The History of Vietnam Feudalism*, Education Publishing House, p.281 (in Vietnamese).
- [7] G. Dutton (2019), *The Tay Son Uprising*, Synthetic of Ho Chi Minh City, 454pp (in Vietnamese).
- [8] D.C. Nguyen (2016), *Notes on The End of The Le Period: The Decline of The Le Dynasty at The End of The 18th Century*, Social Sciences Publishing House, 408pp (in Vietnamese).
- [9] Q.T. Nguyen, B.T. Nguyen (1992), *Dictionary of Vietnamese Historical Figures*, Social Sciences Publishing House, 650pp (in Vietnamese).
- [10] D. Tuong (2017), “La Son Phu tu Nguyen Thiep and the great victory Ky Dau (1789)”, *Public Security News*, <https://cand.com.vn/Tu-lieu-antg/La-Son-phu-tu-Nguyen-Thiep-va-dai-thang-mua-xuan-nam-Ky-Dau-1789-i418667/>, accessed 5 January 2024 (in Vietnamese).
- [11] X.H. Hoang (2016), *La Son Phu Tu*, Social Sciences Publishing House, Ho Chi Minh City, 392pp (in Vietnamese).
- [12] H.C. Phan (1992), *Lich trieu hien chuong loai chi (volume 3)*, Social Sciences Publishing House, p.158 (in Vietnamese).
- [13] B.D. Lich (2018), *Nghe An ky*, Social Sciences Publishing House, 71pp (in Vietnamese).
- [14] H.H. Vo, V.S. Thai, Q.A. Pham (2012), *Famous People of Ha Tinh*, 1, Vinh University Publishing House, 308pp (in Vietnamese).
- [15] C.T. Thanh (2009), “Nguyen Binh Khiem on the change in political behavior of Vietnamese intellectuals”, *Tia Sang Magazine*, <https://tiasang.com.vn/van-hoa/nguyen-binh-khiem-in-su-yen-bien-br-ve-ung-xu-chinh-tri-cua-tri-thuc-viet-nam-2815/>, accessed 10 January 2024 (in Vietnamese).
- [16] N.T.T. Nga (2011), “Understanding the relationship between La Son’s son Nguyen Thiep and King Quang Trung Nguyen Hue through the text Hanh Am Di Van”, *Han Nom Review*, 105(2), pp.48-55 (in Vietnamese).
- [17] V. Thang (2022), “Governor Nguyen Van Than and Prince La Son with the construction of Phuong Hoang Trung Do”, *Nghe An News*, <https://baonghean.vn/quan-tran-thu-listen-an-va-la-son-phu-tu-voi-viec-xay-dung-phuong-hoang-trung-do-post257934.html>, accessed 10 January 2024 (in Vietnamese).
- [18] B. Hoa, T.T. Hoang, H.L. Tran, et al. (2008), *Quang Trung - Nguyen Hue*, Past & Present Magazine - Saigon Culture Publishing House, Ho Chi Minh City (in Vietnamese).